

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
HỌC VIỆN TÒA ÁN
ĐC



KỶ YẾU HỘI THẢO
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP BỘ
XÂY DỰNG HỌC VIỆN TÒA ÁN THÔNG MINH
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN



HÀ NỘI - 6/2023

MỤC LỤC KỸ YẾU HỘI THẢO

XÂY DỰNG HỌC VIỆN TOÀ ÁN THÔNG MINH: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

STT	Tên tham luận	Chuyên gia/nhà khoa học	Trang
1	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đại học thông minh	<i>TS. Nguyễn Văn Cương, Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp</i>	3
2	Tiêu chí của cơ sở giáo dục thông minh	<i>TS. Tạ Quang Chiêu - Phó trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thủy lợi</i>	15
3	Kinh nghiệm xây dựng trường đại học thông minh trên thế giới (một số case studies)	<i>TS. Nguyễn Văn Nghĩa Giảng viên Phòng NCKHTA, Học viện Toà án</i>	47
4	Mô hình trường đại học số của Việt Nam, kinh nghiệm cho việc xây dựng Học viện Toà án thông minh	<i>TS. Tạ Quang Chiêu - Phó trưởng khoa Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Thủy lợi</i>	101
5	Các yếu tố tác động đến việc xây dựng Học viện Toà án thông minh	<i>PGS. TS. Phạm Minh Tuyên, Giám đốc Học viện Toà án</i>	131
6	Chuyển đổi số trong đào tạo và khảo thí ở các trường đại học: Thực trạng và giải pháp	<i>PGS. TS. Phan Thị Thu Hiền, Giảng viên Khoa Kế toán - Kiểm toán, Đại học Ngoại thương</i>	177
7	Một số nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trước yêu cầu xây dựng Học viện Toà án thông minh	<i>TS. Nguyễn Thị Bích Lệ - Trưởng phòng Phòng NCKHTA, Học viện Toà án</i>	187
8	Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý đáp ứng yêu cầu đại học thông minh	<i>TS. Diêm Công Hoàng & TS. Đỗ Thị Vân Hà - GD Trung tâm Tin học -NN, Trường ĐH Mở Địa chất</i>	203

Tham luận 8:

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐẠI HỌC THÔNG MINH**

*TS. Diêm Công Hoàng, TS. Đỗ Thị Vân Hà
GD TT Tin học - NN, Trường Đại học Mở Địa chất*

1. Mở đầu

Đại học thông minh thường được hiểu là cơ sở đào tạo bậc đại học trong đó ứng dụng các nền tảng công nghệ tiên tiến trong tất cả quy trình đào tạo, từ đó tạo nên các yếu tố: lớp học thông minh, môi trường học tập thông minh, giáo viên thông minh, khuôn viên trường thông minh, cộng đồng học tập thông minh... Tất cả các công nghệ tiên tiến được áp dụng và triển khai trong đại học thông minh nhằm đưa ra các quyết định tốt hơn, điều phối các nguồn lực để vận hành hiệu quả hơn nhằm hướng tới đối tượng trung tâm là người học - sinh viên. Khác với các đại học kiểu truyền thống hướng tới mục đích truyền thụ kiến thức, đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, đại học thông minh hướng tới đào tạo những con người tự do, sáng tạo, có khả năng lãnh đạo bản thân, làm chủ cuộc sống, có khả năng vận hành công nghệ và kết nối công nghệ...trở thành những công dân thông minh trong xã hội mới. Mặc dù thường được nhấn mạnh tới việc ứng dụng các yếu tố công nghệ mới, tuy nhiên đại học thông minh không chỉ đơn thuần là một trường đại học với các chiến lược dạy và học sử dụng công nghệ hiện đại, phần mềm, phần cứng hiện đại, mà quan trọng hơn, tính thông minh của nó phải thể hiện qua trách nhiệm, khả năng tương tác và thích nghi của hệ thống nhằm cung cấp các dịch vụ được cá nhân hóa cho sinh viên. Như vậy, điểm mấu chốt để chuyển đổi từ đại học truyền thống sang đại học thông minh không phải và không thể chỉ là ở chỗ đầu tư, tích hợp các công nghệ mới trong quá trình giáo dục, mà là phải xây dựng nên một hệ thống giáo dục theo cách tiếp cận hoàn toàn mới. Để làm được điều này, quản lý đại học thông minh đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

Để hoạt động quản lý trong đại học thông minh đáp ứng được những yêu cầu đặt ra, về mặt khách quan, cần lưu ý tới những vấn đề sau:

Về cơ chế, chính sách, trên cơ sở sự thống nhất trong quan điểm chỉ đạo của nhà nước về việc xây dựng và triển khai hoạt động giáo dục đại học theo định hướng thông minh, Chính phủ cần cải thiện khuôn khổ pháp lý, tổ chức bộ máy, cơ chế tài chính, cơ chế giám sát bảo đảm chất lượng cho hoạt động giáo dục đại học nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở giáo dục đại học thay đổi cách thức giáo dục “từ chương” theo kiểu cũ để chuyển sang mô hình đại học

mới theo định hướng thông minh và đổi mới sáng tạo, đóng vai trò dẫn đường cho khoa học và công nghệ của Việt Nam. Trên cơ sở chính sách, pháp luật của nhà nước, mỗi cơ sở giáo dục đại học cần hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với đặc điểm và mục tiêu mà đại học thông minh hướng tới như xây dựng và từng bước hoàn thiện các văn bản pháp lý nội bộ, khung năng lực số phù hợp và đáp ứng yêu cầu định hướng thông minh.

Nền tảng công nghệ là yếu tố quan trọng làm nên sự khác biệt của đại học thông minh so với các đại học theo kiểu cũ. Mô hình đại học thông minh là mô hình đòi hỏi các trường đại học phải ứng dụng linh hoạt, sáng tạo các công nghệ hiện đại nhất hiện nay như công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI- Artificial intelligence), công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT- Internet of Things), và dữ liệu lớn (Big Data),... trong tất cả các khía cạnh khác nhau của trường đại học. Trong đó đặc biệt quan tâm đến đầu tư xây dựng hệ thống phần cứng và mềm thông minh áp dụng vào mọi hoạt động của đại học thông minh đáp ứng lớp học thông minh, phòng thí nghiệm thông minh, phòng ban thông minh và văn phòng thông minh... một cách đồng bộ và thống nhất.

Bên cạnh đó, trình độ, năng lực của nguồn nhân lực quản lý trong đại học thông minh là một trong những yếu tố chủ quan quan trọng trong việc nâng cao chất lượng quản lý đáp ứng yêu cầu đại học thông minh. Để đại học thông minh trở nên thông minh thực sự chứ không phải là một trường đại học kiểu cũ được ứng dụng hệ thống công nghệ hiện đại, đội ngũ cán bộ quản lý trong đại học thông minh trước tiên cần am hiểu sâu sắc về chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường, từ đó duy trì và liên kết được các yếu tố: môi trường, lớp học, giảng viên, chương trình... tạo nên một hệ thống được cá nhân hóa cho từng sinh viên đồng thời đảm bảo đạt được mục tiêu đào tạo của nhà trường, đáp ứng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực trình độ cao.

Trên cơ sở những yêu cầu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý đáp ứng yêu cầu đại học thông minh như được trình bày ở phần sau.

2. Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý đáp ứng yêu cầu Đại học thông minh

2.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế pháp lý

2.1.1. Đổi mới mô hình quản trị và xây dựng chiến lược phát triển theo định hướng đổi mới sáng tạo, đáp ứng mục tiêu đào tạo của trường đại học thông minh

Xây dựng Học viện Tòa án thông minh - Cơ sở lý luận và thực tiễn

Học viện Tòa án cũng như các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cần thực hiện công cuộc chuyển đổi số để từng bước xây dựng đại học thông minh với 3 trụ cột: (1) Số hóa - tạo ra biểu diễn số của các thực thể vật lý, đặc biệt là nguồn học liệu; (2) Đổi mới mô hình hoạt động - đổi mới phương thức quản lý và dạy-học dựa trên các công nghệ số; (3) Chuyển đổi - chuyển đổi toàn diện tư duy, văn hóa và phương thức lãnh đạo, quản lý và tổ chức phù hợp với mô hình dạy-học mới. Xây dựng Học viện Tòa án theo định hướng đại học thông minh, đổi mới sáng tạo vừa là xu thế của thời đại, vừa là nhu cầu tự thân và trách nhiệm đóng góp giá trị cho xã hội. Trong quá trình xây dựng chiến lược cho giai đoạn mới 2025-2030, Học viện cần quan tâm các đặc trưng và sứ mạng của đại học thế hệ ba, trong đó sứ mạng thứ ba về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, về đại học thông minh, về hỗ trợ học tập suốt đời và thúc đẩy các giá trị xã hội cần được quan tâm.

2.1.2. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Tòa án để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản, quy định nội bộ theo định hướng đại học thông minh

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) thông qua, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành hệ thống văn bản pháp luật về GDDH đầy đủ và kịp thời. Tuy nhiên, bên cạnh luật GDDH, hoạt động giáo dục - đào tạo còn bị chi phối bởi rất nhiều luật và văn bản qui phạm pháp luật khác mà các văn bản này chưa được điều chỉnh kịp thời. Do đó, cần rà soát các văn bản quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở GDDH, từ đó điều chỉnh các văn bản chưa thực sự phù hợp nhất là các quy định liên quan đến các đại học và học viện không trực thuộc Bộ giáo dục. Trong giai đoạn trước mắt cần ưu tiên rà soát cụ thể hóa các quy định về trách nhiệm vai trò Hội đồng trường (HĐT) cũng như khẳng định vai trò của HĐT, trong quản trị trường đại học theo xu hướng tự chủ hóa, giáo dục thông minh và đại học thông minh; Bên cạnh đó cũng cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới các bản bản quản lý nội bộ có tính chất cấp thiết và quan trọng, đảm bảo phù hợp với Luật GDDH sửa đổi. Rà soát và đề xuất xem xét, phê duyệt cho phép thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị, đảm bảo theo đúng phân cấp quản lý, quyền tự chủ đã được quy định trong Luật GDDH sửa đổi. Hướng dẫn và tăng cường giám sát trách nhiệm giải trình của các cơ sở GDDH tự chủ

Xây dựng Học viện Tòa án thông minh - Cơ sở lý luận và thực tiễn

trong việc xây dựng các hệ thống chi tiêu bắt buộc và chi tiêu khuyến khích mà các cơ sở GDDH cần phải công bố, công khai...

2.1.3. *Xây dựng khung năng lực số cho sinh viên Học viện Tòa án trên cơ sở tham khảo khung năng lực số của của UNESCO và của Hội đồng Thủ thư Đại học Úc*

Trong khoảng hơn 20 năm trở lại đây, khái niệm năng lực số (NLS) đã được hình thành và thường được sử dụng cùng lúc với các khái niệm như kỹ năng số, năng lực thông tin, năng lực truyền thông hay năng lực học thuật. NLS được xem là một trong các yếu tố có vai trò sống còn để đạt đến thành công trong học tập, nghiên cứu và phát triển sự nghiệp trong tương lai. UNESCO đưa ra định nghĩa về NLS như sau: NLS là khả năng truy cập, quản trị, thấu hiểu, kết hợp, giao tiếp, đánh giá và sáng tạo thông tin một cách an toàn và phù hợp thông qua công nghệ số để phục vụ cho thị trường lao động phổ thông, các công việc cao cấp và khởi nghiệp kinh doanh. Nội dung cụ thể khung NLS của Unesco được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1: Khung năng lực số của UNESCO

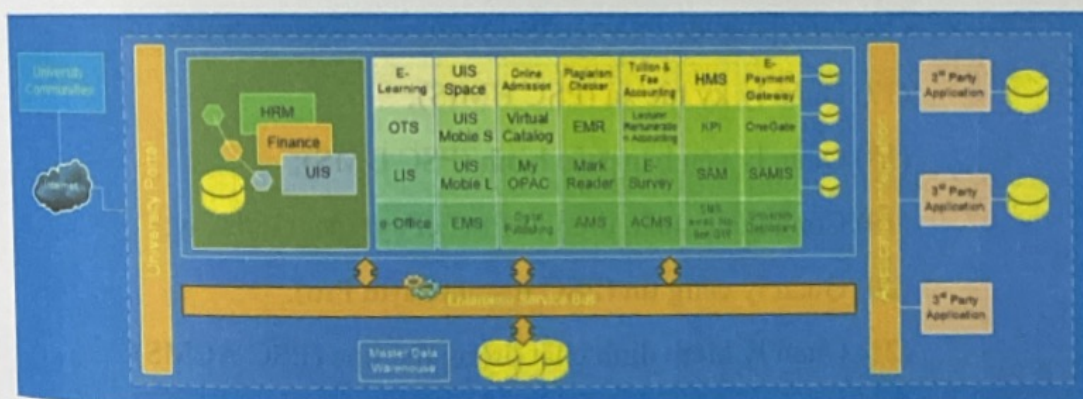
TT	Năng lực	Nội dung
Nhóm 1	Vận hành thiết bị và phần mềm	Nhận dạng và sử dụng các công cụ phần cứng và công nghệ nhận diện dữ liệu, thông tin và nội dung số để vận hành các công cụ và công nghệ
Nhóm 2	Năng lực thông tin và dữ liệu	Làm rõ được nhu cầu thông tin, định vị và truy cập được dữ liệu, thông tin và nội dung số; Đánh giá các nguồn tin và nội dung của chúng; Lưu trữ, quản lý và tổ chức dữ liệu, thông tin và nội dung số
Nhóm 3	Giao tiếp và hợp tác	Tương tác, giao tiếp và hợp tác thông qua công nghệ số, đồng thời nhận thức được sự đa dạng về văn hóa và thế hệ; Tương tác xã hội thông qua các dịch vụ số công cộng cũng như cá nhân và thực hành vai trò công dân; Tự quản lý định danh và uy tín số của bản thân.
Nhóm 4	Sáng tạo nội dung số	Tạo lập và biên tập nội dung số: Nâng cấp và kết hợp thông tin và nội dung số vào vốn tri thức sẵn có, đồng thời hiểu rõ về các giấy phép và bản quyền được áp dụng; Biết cách đưa ra các lệnh để

Xây dựng Học viện Toà án thông minh - Cơ sở lý luận và thực tiễn

- Công nghệ thông minh khắp nơi,
- Công nghệ tác tử thông minh,
- Công nghệ trực quan hóa dữ liệu thông minh,
- Công nghệ thực tại ảo và thực tại tăng cường,
- Công nghệ trò chơi nghiêm túc (học dựa trên trò chơi) trên máy tính,
- Phòng thí nghiệm từ xa (ảo),
- Công nghệ trực quan ba chiều (3D),
- Công nghệ mạng cảm biến không dây,
- Công nghệ nhận dạng tần số radio (Radio-frequency identification: RFID),
- Công nghệ nhận thức tình huống và vị trí (trong nhà và ngoài trời),
- Công nghệ cảm biến (chuyển động, nhiệt độ, ánh sáng, độ ẩm, v.v.)

2.2.6. Tham khảo hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đại học theo hướng đại học thông minh tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Phần mềm tổng thể PSC (Lê Anh Đức, 2020) được Trường Đại học Kinh tế Quốc dân chính thức đưa vào sử dụng từ năm 2019 là một giải pháp toàn diện và duy nhất hiện nay đáp ứng mọi yêu cầu về quản lý nguồn nhân lực (PSC HRM), quản lý tài chính (PSC ERP) và quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ (PSC UIS) cho một trường đại học phát triển theo mô hình trường đại học thông minh.



Hình 1. Mô tả phần mềm tổng thể PSC.

Phần mềm tổng thể PSC được thiết kế để hỗ trợ cho công tác đào tạo và quản lý tại Trường đại học Kinh tế Quốc dân với 24 mô đun cụ thể:

- (1) Phần mềm quản lý nguồn nhân lực (PSC HRM);

Bên cạnh các giải pháp phát triển và đào tạo đội ngũ CBQL từ nguồn CBQL sẵn có, Học viện Tòa án cần tiếp tục thu hút cán bộ khoa học trình độ cao một cách hiệu quả thông qua đổi mới công tác truyền thông tuyên dụng, tích cực cải thiện môi trường làm việc và các chế độ, chính sách và triển khai nhiều giải pháp đồng bộ khác nhằm thu hút, phát triển đội ngũ cán bộ khoa học trình độ cao, đầu ngành về làm việc và phát triển Học viện.

2.4. Nhóm giải pháp khác

2.4.1. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát

Hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát là một nội dung quan trọng trong quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước về kinh tế đối với cơ sở giáo dục đại học nói riêng (Nguyễn Ngọc Vũ, 2021). Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát nhằm đảm bảo để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước nói chung và quy định về GDDH nói riêng; đảm bảo phát hiện, xử lý và ngăn chặn kịp thời những biểu hiện, hành vi trái với quy định quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý đầu tư, quản lý tuyển sinh và đào tạo,... ở các cơ sở GDDH; cảnh báo và ngăn ngừa các hành vi tham nhũng, lãng phí tài sản Nhà nước. Trong quá trình quản lý cần phải thống nhất và phân định rõ trách nhiệm trong việc quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ sở GDDH, cần có giải pháp thay đổi sâu sắc và toàn diện. Bên cạnh thanh tra giám sát, các trường đại học cần phải được kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Đây là hoạt động rất cần thiết để công khai, minh bạch điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường để xã hội tham gia kiểm soát, giám sát.

2.4.2. Đổi mới quản lý tài chính và đầu tư

Về phân bổ tài chính cho các cơ sở GDDH, hiện nay ngân sách chi thường xuyên của các trường được cấp thông qua các bộ, ngành tương ứng, trừ hai Đại học Quốc gia nhận trực tiếp từ Bộ Tài chính. Việc cấp kinh phí hiện nay không dựa trên những tiêu chí cụ thể. Kinh phí bình quân cho mỗi sinh viên cũng rất khác nhau giữa các bộ và chẳng liên quan gì đến chi phí thực tế (Nguyễn Ngọc Vũ, 2021). Từ năm 2015, thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, các trường công lập được thu học phí để chia sẻ chi phí với ngân sách nhà nước. Tuy nhiên theo cơ chế này thì trường có nguồn thu học phí cao thì ngân sách nhà nước cấp giảm. Điều này trở nên không công bằng đối với những trường nỗ lực nâng cao chất lượng để thu hút người học. Để tạo sự công bằng trong quản lý tài chính, cần xây dựng bộ tiêu chí hỗ trợ kinh phí cho các trường để dựa vào đó cấp kinh phí ổn định trong từng giai đoạn 3 năm, 5 năm... Cơ sở

GDDH được quyền linh hoạt sử dụng nguồn kinh phí đó một cách hiệu quả nhất để đạt được mục tiêu đã đăng ký, cấp kinh phí như vậy sẽ mang tính cạnh tranh, chính phủ cũng công khai, minh bạch với các tiêu chí cụ thể. Cho phép cơ sở GDDH được sử dụng nguồn kinh phí do NSNN cấp một cách chủ động, hiệu quả nhất và Nhà nước tăng cường giám sát tính minh bạch và hiệu quả việc sử dụng kinh phí của cơ sở giáo dục đại học.

2.4.3. Đổi mới quản lý giảng dạy

Cần tạo điều kiện thuận lợi và môi trường kích thích sáng tạo cho hoạt động giảng dạy, học tập, giảm thời gian thuyết trình, tăng thời gian tương tác, đối thoại, xử lý tình huống thực tiễn, để sinh viên, học viên có cơ hội phát triển tri thức, các phẩm chất tâm lý xã hội và kỹ năng sống của mình (Nguyễn Ngọc Vũ, 2021). Tiếp tục đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất liên quan đến công nghệ dạy/học thể hệ mới và nghiên cứu, các phòng học đa năng, phòng trực tuyến để thực nghiệm các tình huống liên quan đến giảng dạy và nghiên cứu sáng tạo. Xây dựng mô hình giáo dục 4.0 theo kịp với xu hướng công nghệ hiện đại trong nền kinh tế số. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, các cơ sở GDDH quốc tế để xây dựng các phòng thí nghiệm theo hình thức hợp tác công tư. Các trung tâm thí nghiệm này vừa là nơi để sinh viên thực hành và là nơi nghiên cứu chuyên sâu theo đơn đặt hàng của DN nhằm tạo ra các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao. Tùy thuộc vào khả năng và điều kiện cụ thể mà các bên lựa chọn nội dung và hình thức hợp tác phù hợp: liên kết nghiên cứu phát triển dưới dạng hợp đồng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phối hợp thực hiện các chương trình đào tạo nhân lực chuyên môn, DN với tư cách là khách hàng thường xuyên của các cơ sở GDDH. Tập trung xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu, có cơ chế thu hút cán bộ giỏi, các chuyên gia trong và ngoài nước hợp tác với cơ sở GDDH; đổi mới cơ chế quản lý đào tạo, nghiên cứu sáng tạo, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trong đó xây dựng đội ngũ giảng viên giỏi là khâu then chốt. Đổi mới tư duy và phương pháp giảng dạy trong kỷ nguyên số. Để làm được việc này, giảng viên cần nâng cao trình độ công nghệ thông tin, ngoại ngữ, am tường về phương pháp dạy học, sẵn sàng tiếp cận các mô hình đào tạo mới, đại học sáng tạo, đại học nghiên cứu, đại học ứng dụng. Trước bối cảnh nguồn tài nguyên tri thức nhân loại đang phát triển bùng nổ trong thời đại số hóa, để mỗi cá nhân sử dụng và chuyển hóa thành tri thức của mình, chúng ta cần phải xử lý, lựa chọn, định vị được hệ tri thức chuẩn gắn với yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy.

3. Kết luận

Trong thời đại ngày nay, giáo dục đại học ở nước ta phải thực hiện nhiệm vụ đào tạo ra những con người có đủ khả năng, bản lĩnh thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh nền kinh tế tri thức, cạnh tranh và hội nhập toàn cầu. Chính vì thế, việc chuyển đổi từ mô hình đại học truyền thống sang mô hình đại học thông minh không chỉ là câu chuyện bắt nguồn từ đòi hỏi nội tại của sự phát triển của giáo dục đại học, mà còn xuất phát từ thực tiễn phát triển đất nước. Nâng cao chất lượng quản lý là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng mô hình đại học thông minh. Theo đó, những yếu tố khách quan về cơ chế, chính sách, nền tảng công nghệ và yếu tố chủ quan về chất lượng nguồn nhân lực là những yếu tố cần quan tâm đặc biệt nếu muốn nâng cao chất lượng quản lý đáp ứng yêu cầu của đại học thông minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Nguyễn Hữu Đức và nnk, Đại học học thông minh: Bối cảnh thế giới và liên hệ Việt Nam, 2020.

[2] TS. Lê Anh Đức, Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đại học theo hướng đại học thông minh tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Tạp chí công thương, 2022.

[3] Nguyễn Ngọc Vũ, Đổi mới trong quản lý giáo dục Đại học để nâng cao chất lượng đào tạo, Tạp chí KH&CN – Đại học Đà Nẵng, Vol. 19, NO. 8, 2021.

[4] QUẢN TRỊ ĐẠI HỌC THÔNG MINH, Báo cáo thường niên 2020.

[5] Vũ Trà Giang, Trần Toàn Trung, Đổi mới tư duy quản lý giáo dục ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, TẠP CHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - SỐ 286 (11/2019).

[6] Đỗ Đức Minh, “Cơ chế quản trị đại học tự chủ và yêu cầu hoàn thiện pháp luật tự chủ đại học ở Việt Nam”, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 34, Số 4 (2018) 62-74./.